

ỦY BAN QUẢN LÝ VỐN
NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP
**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI
VIỆT NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *1312*/HHVN-TGTT
V/v Công bố thông tin Báo cáo
thường niên năm 2019

Hà Nội, ngày *08* tháng *6* năm 2020

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Thông tin tổ chức: Tổng công ty Hàng hải Việt Nam

- Tên tổ chức: Tổng công ty Hàng hải Việt Nam
- Mã chứng khoán: MVN
- Địa chỉ: Số 1 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
- Email: vnl@vinalines.com.vn
- Điện thoại: 024.35770825
- Fax: 024.35770850

2. Nội dung công bố thông tin:

Công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2019 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam vào ngày *08/6/2020* tại đường dẫn www.vinalines.com.vn.

Tổng công ty Hàng hải Việt Nam xin cam kết các thông tin công bố trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2019 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam;
- Văn bản số 786/HHVN-TCKT ngày 16/4/2020 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc giải trình ý kiến ngoại trừ và chênh lệch Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2019.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT Tổng công ty (để b/cáo);
- Các ban: TCKT, TCNS, PC&QTRR, QLTV&TB, QLCS&DVHH, TTKH;
- Lưu: VT, TGTT. Ha04.

Q. TỔNG GIÁM ĐỐC


Nguyễn Cảnh Tinh

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2019



MỤC LỤC

I. Thông tin chung.....	3
1. Thông tin khái quát.....	3
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	3
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	4
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	5
5. Định hướng phát triển.....	6
6. Các rủi ro.....	7
II. Tình hình hoạt động trong năm 2019.....	7
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	7
2. Tổ chức và nhân sự.....	9
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án.....	10
4. Tình hình tài chính.....	12
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	13
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội.....	14
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Điều hành.....	16
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019.....	16
2. Tình hình tài chính.....	18
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	19
4. Kế hoạch phát triển năm 2020.....	21
5. Giải trình của Ban Điều hành đối với ý kiến kiểm toán.....	22
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội.....	22
IV. Báo cáo tài chính năm 2019.....	22
1. Ý kiến kiểm toán.....	22
2. Báo cáo tài chính.....	24
Phụ lục số 01: Danh sách các công ty con, công ty liên kết.....	25
Phụ lục số 02: Danh sách Ban Điều hành Tổng công ty.....	30

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (theo Phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt).
- Tên giao dịch quốc tế bằng Tiếng Anh: Vietnam Maritime Corporation (theo Phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt).
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: Tổng công ty chưa chính thức chuyển thành công ty cổ phần.
- Vốn điều lệ: Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp đang xem xét, phê duyệt điều chỉnh vốn điều lệ của Tổng công ty.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ trụ sở chính: Toà nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: (84) 24 35770825 Fax: (84) 24 35770850
- Email: vnl@vinalines.com.vn
- Website: <http://www.vinalines.com.vn>; <http://www.vinalines.vn>
- Mã cổ phiếu: MVN

2. Quá trình hình thành và phát triển

Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (“Tổng công ty”) được thành lập năm 1995 theo Quyết định số 250/QĐ-TTg ngày 29/4/1995 của Thủ tướng Chính phủ. Tổng công ty đang thực hiện cổ phần hóa để chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Hiện nay, Tổng công ty mới thực hiện đăng ký giao dịch trên sàn Upcom và chưa niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán.

Các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập:

- Ngày 29/9/2006, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 216/2006/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án chuyển Tổng công ty Hàng hải Việt Nam sang tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con và Quyết định số 217/2006/QĐ-TTg về thành lập Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.

- Ngày 25/6/2010, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 985/QĐ-TTg về việc chuyển Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

- Ngày 20/6/2016, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 751/QĐ-TTg về phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.

- Ngày 05/9/2018, Tổng công ty đã thực hiện bán đấu giá cổ phần ra công chúng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và hoàn tất việc bán cổ phần lần đầu vào tháng 10/2018.

- Ngày 08/10/2018, cổ phiếu của Tổng công ty chính thức giao dịch trên sàn Upcom với mã cổ phiếu là MVN.

Hiện nay, Tổng công ty đang tiếp tục thực hiện cổ phần hóa để chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh vận tải đường biển, đường thủy, đường bộ; sửa chữa phương tiện vận tải biển, đường bộ và phương tiện khác;

- Dịch vụ vận tải đa phương thức, dịch vụ logistic; đại lý môi giới cung ứng dịch vụ hàng hải, cung ứng tàu biển, dịch vụ lai dắt tàu biển, tàu sông, đưa đón thuyền viên và các dịch vụ hỗ trợ hoạt động đường thủy;

- Khai thác cảng biển, cảng sông; kinh doanh dịch vụ kho, bãi và lưu giữ hàng hóa;

- Sửa chữa phương tiện vận tải đường bộ và phương tiện khác; sản xuất, buôn bán, cho thuê phương tiện và thiết bị vận tải bốc xếp chuyên ngành;

- Xuất khẩu lao động và cung ứng lao động hàng hải cho các tổ chức trong và ngoài nước; xuất khẩu phương tiện, thiết bị, nguyên, nhiên vật liệu chuyên ngành hàng hải, cung ứng vật tư, nhiên liệu, thực phẩm, nước ngọt;

- Cho thuê và điều hành bất động sản; kinh doanh khách sạn.

3.2. Địa bàn kinh doanh

Trụ sở chính của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam tại Toà nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Các chi nhánh và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty:

- Chi nhánh Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH một thành viên tại Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: Số 163 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Chi nhánh Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH một thành viên tại Thành phố Hải Phòng. Địa chỉ: Số 282 Đà Nẵng, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

- Công ty Vận tải biển Vinalines (VLC). Địa chỉ: Tầng 14, Toà nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

- Công ty Vận tải biển Container Vinalines (VCSC). Địa chỉ: Tầng 14, Toà nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

- Công ty Xuất khẩu lao động hàng hải (MMS): Địa chỉ: Tầng 16, Toà nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

4.3. Các công ty con, công ty liên kết

Tổng công ty Hàng hải Việt Nam hiện có 35 công ty con, công ty liên kết, trong đó, có 19 công ty con và 16 công ty liên kết (*Thông tin chi tiết của các công ty con, công ty liên kết tại Phụ lục số 01 đính kèm Báo cáo này*).

5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Tổng công ty

Mục tiêu chính của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam là trở thành đơn vị nòng cốt, chủ lực của ngành hàng hải Việt Nam; có năng lực cạnh tranh cao trên thị trường hàng hải quốc tế; tập trung kinh doanh vận tải biển, khai thác cảng biển và dịch vụ hàng hải; đáp ứng đầy đủ, kịp thời và có chất lượng đối với mọi nhu cầu về dịch vụ hàng hải của khách hàng; tham gia bình đẳng với các thành phần kinh tế trong hoạt động dịch vụ hàng hải nhằm chia sẻ thị trường khu vực; đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước. Một số mục tiêu chủ yếu của Tổng công ty:

- Tiếp tục triển khai các thủ tục cổ phần hóa để chuyển Công ty mẹ - Tổng công ty thành công ty cổ phần. Hoàn thiện bộ máy tổ chức và quản trị doanh nghiệp với mô hình công ty cổ phần hiện đại, phù hợp các nguyên tắc chuẩn mực quốc tế.

- Chủ động nghiên cứu, xác định lợi thế cạnh tranh so với doanh nghiệp khác, có chiến lược kinh doanh phù hợp, hiệu quả. Chủ động đổi mới, sáng tạo, phát huy mọi nguồn lực nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong kinh doanh, đảm bảo bất kỳ xu thế phát triển của ngành hàng hải trong khu vực và thế giới; nâng cao chất lượng dịch vụ, năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh.

- Cơ cấu lại nguồn lực, vốn đầu tư để tập trung vào những lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, trọng điểm là: tập trung phát triển hệ thống cảng biển tại khu vực Lạch Huyện (Hải Phòng), Đà Nẵng, Quy Nhơn và Cái Mép - Thị Vải. Nghiên cứu xây dựng các trung tâm logistics/ICD tạo vai trò kết nối và khép kín chuỗi dịch vụ; liên kết chặt chẽ mối quan hệ giữa các doanh nghiệp thành viên trong Tổng công ty để từng bước cung ứng cho khách hàng các giải pháp dịch vụ trọn gói.

- Bảo toàn và phát triển vốn nhà nước đầu tư tại Tổng công ty và vốn của Tổng công ty đầu tư tại các doanh nghiệp khác. Xây dựng và triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của toàn Tổng công ty và các doanh nghiệp thành viên. Tiếp tục tái cơ cấu hoạt động và tái cơ cấu tài chính các công ty có vốn góp và các doanh nghiệp liên doanh không hiệu quả.

- Nâng cao năng suất lao động tạo tiền đề cải thiện thu nhập cho người lao động trên cơ sở gắn với chất lượng, hiệu quả hoạt động kinh doanh; chăm lo tốt đời sống cho người lao động.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 107/NQ-CP ngày 10/10/2017 của Chính phủ về một số biện pháp tái cơ cấu tài chính của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2016-2020.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Căn cứ nhiệm vụ trong Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được Ban Chấp hành Trung ương ban hành tại Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018; Chiến lược, Kế hoạch đầu tư phát triển và Kế hoạch sản xuất kinh doanh 05 năm giai đoạn 2016-2020 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 276/QĐ-TTg ngày 27/02/2017 và Chiến lược phát triển giai đoạn 2016-2020 nêu trong Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 751/QĐ-TTg ngày 20/6/2018, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam định hướng phát triển như sau:

- Đầu tư phát triển đội tàu nhằm tăng tải trọng tải, trẻ hoá đội tàu; đầu tư xây dựng, cải tạo cơ sở hạ tầng, đổi mới công nghệ bốc xếp, áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý và khai thác cảng; phát triển dịch vụ mới để hoàn thành chiến lược phát triển Tổng công ty Hàng hải Việt Nam giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

- Khôi phục tốc độ tăng trưởng, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh và đảm bảo khả năng hội nhập khu vực và thế giới.

- Đổi mới tổ chức, cơ chế quản trị nhằm tạo ra sự liên kết bền vững, rõ ràng về vốn, lợi ích giữa Tổng công ty với các doanh nghiệp thành viên và giữa các doanh nghiệp thành viên với nhau dưới sự điều hành của Tổng công ty để thực hiện mục tiêu chung và đảm bảo lợi ích của từng doanh nghiệp cũng như lợi ích chung của cả Tổng công ty.

6. Các rủi ro

Tổng công ty Hàng hải Việt Nam là doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực vận tải biển, khai thác cảng biển và dịch vụ hàng hải nên tiềm ẩn nhiều rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như việc thực hiện các mục tiêu của Tổng công ty. Trong đó, có các rủi ro chính về chiến lược, hoạt động kinh doanh, tài chính và rủi ro do bất khả kháng như: rủi ro từ tranh chấp pháp lý phát sinh từ các sự cố hàng hải và tranh chấp hợp đồng kinh doanh vận tải biển, cảng biển; rủi ro liên quan đến môi trường như cháy nổ trên biển, tràn dầu và ô nhiễm môi trường trong quá trình vận chuyển, lưu giữ hàng hóa, chất độc hại, ...

Để giảm thiểu những sự cố, nguy cơ có thể xảy ra, hằng năm, căn cứ mục tiêu chiến lược đã đề ra, đối với mỗi lĩnh vực hoạt động chuyên môn, Tổng công ty đã xây dựng, ban hành Bảng nhận diện rủi ro và các biện pháp xử lý, phòng ngừa. Qua đó, Tổng công ty xây dựng Khung quản trị rủi ro, bao gồm: (i) chính sách quản trị rủi ro; (ii) cơ cấu tổ chức về quản trị rủi ro; (iii) danh mục các rủi ro; (iv) đánh giá và xác lập phương án ứng phó; (v) giám sát và báo cáo để nâng cao hiệu quả trong công tác phòng ngừa rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2019

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổng công ty Hàng hải Việt Nam là doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong các lĩnh vực vận tải biển, khai thác cảng biển và dịch vụ hàng hải. Đây là các

ngành nghề có mức độ cạnh tranh cao cả trong và ngoài nước. Ngành vận tải biển thế giới vẫn tiếp tục chìm trong khó khăn hơn một thập niên, đội tàu biển Việt Nam cũng không tránh khỏi thua lỗ, kém hiệu quả. Trong năm 2019, Tổng công ty đã tập trung thực hiện tái cơ cấu các doanh nghiệp vận tải biển và dịch vụ hàng hải, nâng cao hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp khai thác cảng thông qua thực thi các giải pháp về thị trường, khách hàng, tài chính, đầu tư, khai thác, công nghệ thông tin; đẩy mạnh hoạt động đổi mới sáng tạo và đào tạo phát triển nguồn nhân lực; tiếp tục tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp. Với sự nỗ lực, đồng lòng của tập thể Ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên, sỹ quan thuyền viên, Tổng công ty đã đạt kết quả trong hoạt động kinh doanh như sau:

CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2019	TH 2019	SO SÁNH	
				TH 2019 /KH 2019	TH 2019 /TH 2018
HỢP NHẤT					
Sản lượng vận tải biển	Ng.Tấn	19.937	23.045	115,59%	86,21%
Sản lượng thông qua cảng	Ng.Tấn	99.926	106.239	106,32%	112,87%
Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	13.874	12.388	89,29%	90,89%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	304	687	226,15%	129,35%
CÔNG TY MẸ					
Sản lượng vận tải biển	Ng.Tấn	4.670	5.821	124,65%	69,04%
Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	1.649	1.534	93,01%	74,80%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	(497)	(613)		

Trong năm 2019, sản lượng của Công ty mẹ đạt 5,821 triệu tấn (bằng 124,65% KH năm 2019). Tổng doanh thu đạt 1.534 tỷ đồng (bằng 93,01% KH năm 2019), lợi nhuận trước thuế bị lỗ 613 tỷ đồng.

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 687 tỷ đồng, tăng 29,35% so với năm 2018. Sản lượng hàng thông qua cảng đạt 106,239 triệu tấn (bằng 106,32% KH năm 2019), sản lượng vận tải biển đạt 23,045 triệu tấn (bằng 115,59% KH năm 2019). Tuy nhiên, Tổng doanh thu hợp nhất của Tổng công ty chỉ đạt 12.388 tỷ đồng (bằng 89,29% KH năm 2019).

Tổng doanh thu của Công ty mẹ, tổng doanh thu hợp nhất giảm do chịu ảnh hưởng của các yếu tố: xử lý tài chính, tài sản trước khi chuyển thành công ty cổ

phần; tiến độ cổ phần hóa thay đổi do các thủ tục điều chỉnh vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ; tái cơ cấu tài chính gặp khó khăn do chưa có cơ chế, hướng dẫn thực hiện và hoạt động tạm nhập, tái xuất và thu hộ, chi hộ cho khách hàng,...

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

Stt	Họ và Tên	Chức danh	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Cảnh Tĩnh	Thành viên HĐQT, Q. Tổng giám đốc	
2	Ông Nguyễn Văn Hạnh	Phó Tổng giám đốc	Đã nghỉ hưu từ tháng 4/2020
3	Ông Bùi Việt Hoài	Phó Tổng giám đốc	
4	Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Tổng giám đốc	
5	Ông Lê Quang Trung	Phó Tổng giám đốc	
6	Ông Trương Việt Đông	Phó Tổng giám đốc	
7	Ông Lương Đình Minh	Kế toán trưởng	Đã thôi giữ chức Kế toán trưởng từ ngày 21/6/2019

(Danh sách chi tiết theo Phụ lục số 02 đính kèm Báo cáo này)

2.2. Thay đổi trong Ban Điều hành

Ông Nguyễn Văn Hạnh - Phó Tổng giám đốc Tổng công ty, nghỉ hưu từ tháng 4/2020

Ông Lương Đình Minh - Kế toán trưởng, Trưởng ban Tài chính Kế toán thôi giữ chức Kế toán trưởng từ ngày 21/6/2019

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

a. Số lượng cán bộ, nhân viên:

Tổng số lượng cán bộ, nhân viên của Tổng công ty là 1.201 người

b. Chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

- Chế độ lương, thưởng, thang bảng lương; quỹ tiền lương, tiền thưởng; quy chế trả lương, quy chế thưởng đối với người lao động thực hiện theo Thông tư số

26/2016/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ về quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

- Chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý: Thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó tổng giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng thực hiện theo Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ về quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

** Xác định quỹ tiền lương kế hoạch và thực hiện năm 2019*

- Ủy Ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp đã có Văn bản số 225/UBQLV-TCCB ngày 13/02/2020 về việc phê duyệt kế hoạch lao động, tiền lương năm 2019 của Công ty mẹ - Tổng công ty.

+ Quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động là 221.762 triệu đồng;

+ Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của người quản lý là 4.749,12 triệu đồng (gồm: quỹ tiền lương người quản lý chuyên trách: 4.665,60 triệu đồng và quỹ thù lao của Kiểm soát viên không chuyên trách là: 83,52 triệu đồng).

- Về quỹ tiền lương thực hiện của người lao động, quỹ tiền lương, thù lao của viên chức quản lý: Tổng công ty đang hoàn thiện báo cáo tài chính kiểm toán để thực hiện quyết toán quỹ tiền lương năm 2019.

** Chính sách phân phối:*

Quỹ tiền lương của Tổng công ty được thực hiện theo quy chế trả lương của Tổng công ty được ban hành theo quy định.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn

- Đầu tư xây dựng cơ bản: trong năm 2019, Tổng công ty đã đạt được phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư bến số 3, 4 cảng Lạch Huyện do Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng làm chủ đầu tư; hoàn thành giai đoạn 1 dự án đầu tư xây dựng và công bố mở cầu cảng số 2 và số 3 tại bến cảng Sài Gòn - Hiệp Phước với tổng chiều dài 500m, khả năng tiếp nhận tàu đến 50.000DWT; hoàn thành gói thầu thi công cầu tàu dự án Đầu tư xây dựng Cảng Vinalines Đình Vũ.

- Đầu tư/thoái, giảm vốn: thực hiện kết luận của Thanh tra Chính phủ, Tổng công ty đã hoàn thành việc chuyển giao, tiếp nhận là đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn, từng bước ổn định hoạt động kinh doanh, bộ máy tổ chức doanh nghiệp. Trong năm 2019, Tổng công ty tiếp tục thực hiện các thủ tục thoái, giảm vốn tại các doanh nghiệp theo kế hoạch, tuy nhiên, một số doanh nghiệp chưa thực sự hấp dẫn trên thị trường.

- Bán thanh lý tàu: hoàn thành bán, chuyển giao cho ngân hàng 06 tàu với tổng trọng tải 116 ngàn tấn và tiếp tục thực hiện thủ tục bán tổng đoạn thân tàu

47.500 DWT (HB 02, HB03) và 22.500 DWT (BV12) sau hai lần đấu giá không thành công.

3.2. Hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết

Giá trị đầu tư các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam tại thời điểm 31/12/2019 là 9.937,38 tỷ đồng (theo số liệu xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa), trong đó có 19 công ty con, 16 công ty liên kết và bao gồm cả 3 lĩnh vực: vận tải biển, cảng biển và dịch vụ hàng hải.

Việc đầu tư vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp đều tuân thủ theo quy định của pháp luật. Theo số liệu xác định giá trị doanh nghiệp, một số khoản vốn góp vào các công ty âm vốn chủ sở hữu (như Bisco, CPI, CMIT, SP-PSA, ...) đang được ghi nhận là 0.

Đối với mỗi lĩnh vực hoạt động kinh doanh đều có tính đặc thù riêng ảnh hưởng đến kết quả hoạt động, cụ thể như sau:

Doanh nghiệp khối vận tải biển

Tổng công ty sở hữu cổ phần của 10 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải biển. Thị trường vận tải biển vẫn gặp nhiều khó khăn về hàng hóa và giá cước. Giá cước sau giai đoạn giảm sâu đã hình thành mặt bằng giá cước mới dẫn đến các tàu thế hệ cũ hoạt động kinh doanh không hiệu quả. Lĩnh vực vận tải biển vẫn hết sức khó khăn do hoạt động đầu tư tàu biển chủ yếu trong giai đoạn trước năm 2008 với suất đầu tư cao, mặc dù Tổng công ty đã tập trung tái cơ cấu cho mảng kinh doanh này. Sau 10 năm khủng hoảng kinh tế, giá cước vận tải biển thiết lập mặt bằng ở mức thấp (chỉ số BDI chưa bằng 1/10 so với trước khủng hoảng), các tài sản tàu biển ngày càng già, cũ đòi hỏi tiêu tốn chi phí sửa chữa và mức tiêu thụ nhiên liệu cao.

Doanh nghiệp khối cảng

Khởi khai thác cảng biển do Tổng công ty sở hữu cổ phần bao gồm 16 doanh nghiệp (đã hoàn thành chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần). Trong số 16 doanh nghiệp khối cảng biển, 5/16 doanh nghiệp khối cảng có vốn góp của Tổng công ty là các cảng đang thực hiện đầu tư (Vinalines Đình Vũ) hoặc đang trong giai đoạn xây dựng phương án tái cơ cấu, sắp xếp phù hợp (CMIT, SSIT, CPI/ CICT, SP-PSA), số còn lại 8/16 doanh nghiệp kinh doanh có lãi, 02 doanh nghiệp hoạt động chưa hiệu quả (Cảng Năm Căn và Transvina).

Lĩnh vực khai thác cảng biển vẫn là hoạt động mang lại hiệu quả kinh doanh chính cho Tổng công ty. Với xu hướng các hãng tàu biển lớn tăng size tàu lên đến 19.000 - 22.000 TEUs và chuyển sang khai thác tàu mẹ đi Châu Âu, Mỹ trực tiếp trả/ nhận hàng tại Việt Nam, các công ty khai thác cảng biển bắt đầu khởi động lại các dự án đầu tư cảng biển nước sâu tạo áp lực cạnh tranh mạnh mẽ trong lĩnh vực này.

Doanh nghiệp khối dịch vụ hàng hải

Khởi các doanh nghiệp cổ phần, liên doanh hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ hàng hải gồm 09 doanh nghiệp. Hoạt động dịch vụ hàng hải chủ yếu về đại lý tàu biển và hoạt động kho bãi, vận chuyển container đường bộ, đường sông. Khối dịch

vụ chịu sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp tư nhân nên hoạt động kinh doanh có lãi nhưng không cao.

(Chi tiết tình hình hoạt động, tài chính của công ty con, công ty liên kết tại Phụ lục số 01 đính kèm Báo cáo này)

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính năm 2019

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Tăng giảm (%)
Tổng giá trị tài sản	15.980.604.508.157	15.180.453.109.972	94,99
Doanh thu thuần	1.428.897.276.538	1.312.283.663.669	91,84
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	14.951.112.421	(188.066.350.215)	
Lợi nhuận khác	63.104.317.667	(424.897.869.765)	
Lợi nhuận trước thuế	78.055.430.088	(612.964.219.980)	
Lợi nhuận sau thuế	78.055.430.088	(612.964.219.980)	

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1.32	0.87
+ Hệ số thanh toán nhanh: Tài sản ngắn hạn - hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn	1.07	0.66
+ Hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản	0.22	0.18
+ Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0.28	0.22
+ Vòng quay hàng tồn kho:		
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	3.88	3.34

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.09	0.09
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.05	(0.47)
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.01	(0.049)
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.005	(0.040)
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.01	(0.14)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tổng công ty Hàng hải Việt Nam đang thực hiện cổ phần hóa để chuyển sang công ty cổ phần. Tổng công ty đã hoàn thành việc bán cổ phần lần đầu và đang trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh vốn điều lệ theo kết quả bán cổ phần. Theo Tờ trình số 1270/TTr-HHVN ngày 12/6/2019 của Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam trình Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp về việc điều chỉnh vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ khi cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam, số lượng cổ phần và cơ cấu cổ đông của Tổng công ty như sau:

5.1. Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành, chuyển nhượng tự do, hạn chế chuyển nhượng:

Stt	Tổng số cổ phần	Loại cổ phần đang lưu hành	Số lượng cổ phần	
			Chuyển nhượng tự do	Bị hạn chế chuyển nhượng
1	Cổ phần phổ thông	1.200.588.000	1.200.359.400	228.600

5.2. Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông tổng hợp theo Danh sách cổ đông chốt ngày 10/7/2019 do VSD cung cấp (đối với các cổ phần đã đăng ký giao dịch):

Stt	Cổ đông	Tổng số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tổng số cổ đông
I	Cổ đông nhà nước (Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp)	1.194.213.300	99,469	1
II	Cổ đông tổ chức			
	<i>Cổ đông trong nước</i>	<i>5.800.000</i>	<i>0,483</i>	<i>4</i>
	<i>Cổ đông nước ngoài</i>	<i>0</i>		<i>0</i>
III	Cổ đông cá nhân			
	<i>Cổ đông trong nước</i>	<i>568.500</i>	<i>0,047</i>	<i>348</i>
	<i>Cổ đông nước ngoài</i>	<i>6.200</i>	<i>0,001</i>	<i>6</i>
	Tổng	1.200.588.000	100	359

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Tổng công ty chưa chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

5.5. Các chứng khoán khác: không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: không tổng hợp số liệu.

b. Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không tổng hợp số liệu.

6.2. Tiêu thụ năng lượng

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

Năng lượng tiêu thụ chủ yếu là điện năng phục vụ cho hoạt động của văn phòng và các đơn vị hạch toán phụ thuộc (chiếu sáng, điều hòa, máy tính, photocopy và các thiết bị điện khác...).

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không thống kê số liệu.

c. Sáng kiến tiết kiệm năng lượng.

Trong quá trình hoạt động, Tổng công ty luôn tuyên truyền tới cán bộ, nhân viên về công tác thực hành tiết kiệm năng lượng và thực hiện nghiêm túc các giải

pháp tiết kiệm năng lượng như: thay thế các thiết bị cũ, lạc hậu, hiệu suất thấp bằng các thiết bị, công nghệ có hiệu suất cao và tiết kiệm năng lượng; xây dựng định mức tiêu hao nhiên liệu để kiểm soát, tiết giảm chi phí, ...

6.3. Tiêu thụ nước

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Lượng nước ngọt sử dụng là không đáng kể, chủ yếu cho mục đích sinh hoạt của người lao động trong quá trình hoạt động kinh doanh.

b. Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không đáng kể

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Tổng số lượng cán bộ, nhân viên là 1.201 người.

- Mức lương trung bình đối với người lao động là 12 triệu đồng/người/tháng

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Năm 2019, mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng Tổng công ty cùng tổ chức công đoàn các cấp luôn quan tâm, chăm lo đời sống và chủ động giải quyết các chế độ chính sách an sinh, phúc lợi theo quy định của pháp luật, phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho người lao động, như: đảm bảo tiền lương bình quân cho người lao động khoảng 12 triệu đồng/người/tháng; thực hiện tốt chế độ giờ làm việc và nghỉ ngơi, đảm bảo người lao động làm việc 40 giờ/01 tuần, được nghỉ (11 ngày) các ngày Lễ/Tết trong năm và đảm bảo chế độ đối với các trường hợp nghỉ phép, nghỉ việc riêng có hưởng lương; tổ chức Hội nghị tập huấn về an toàn, vệ sinh lao động cho cán bộ, nhân viên Tổng công ty; tổ chức các chương trình Team building; tổ chức các chương trình tham quan, nghỉ dưỡng; tổ chức khám sức khỏe định kỳ; các hoạt động tặng quà nhân ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10; tổ chức các hoạt động vui chơi, khen thưởng cho con em cán bộ, nhân viên nhân ngày Tết thiếu nhi 1/6, rằm trung thu và tổng kết năm học; hỗ trợ khó khăn, trợ cấp thăm hỏi ốm đau, hiếu hỉ đối với các gia đình cán bộ, nhân viên; duy trì hoạt động gặp mặt, tặng quà cho cán bộ, nhân viên đã nghỉ hưu.

c. Hoạt động đào tạo người lao động

Xác định nhân sự đóng góp một phần quan trọng trong sự phát triển hoạt động kinh doanh nên Tổng công ty không ngừng quan tâm xây dựng cán bộ nguồn, chú trọng công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn cho người lao động, nâng cao kỹ năng lãnh đạo quản lý điều hành cho đội ngũ lãnh đạo cấp cao, cấp

trung và Người đại diện phần vốn của Tổng công ty. Đặc biệt, tạo môi trường cho cán bộ, nhân viên nhất là đội ngũ cán bộ trẻ được học hỏi qua công việc thực tế, rèn luyện và phát triển bản thân.

Trong năm 2019, Tổng công ty đã xây dựng chương trình, nội dung đào tạo, triển khai công tác đào tạo và/hoặc tham gia hướng dẫn, giảng bài trực tiếp và trực tuyến (E-learning) thông qua 07 lớp học chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng mềm, ... với tổng số 516 cán bộ, nhân viên tham gia. Thực hiện cử cán bộ đi đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ, tham gia hội thảo trong và ngoài nước (17 người). Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: 02 giờ/người/năm.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2019, Công đoàn và Đoàn thanh niên Tổng công ty đã tích cực tham gia, thực hiện nhiều chương trình, hoạt động có trách nhiệm với cộng đồng địa phương như quyên góp, hỗ trợ những hoàn cảnh khó khăn do thiên tai, lũ lụt, ... (chương trình *Mái ấm công đoàn* cho đoàn viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; chương trình *Thắp lửa trái tim tặng quà* cho các cháu dị tật bẩm sinh; thăm và tặng quà cho đồng bào nghèo huyện Hà Quảng, Cao Bằng, ...); tri ân, dâng hương tới các anh hùng, thương binh, liệt sỹ (tổ chức thăm và tặng quà các Trung tâm điều dưỡng Thương binh nặng tại các tỉnh Hà Nam và Ninh Bình, tri ân các cựu chiến binh ở Vị Xuyên, Hà Giang, ...); phối hợp với Viện Huyết học Trung ương tổ chức Ngày hội Hiến máu nhân đạo, ...

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Điều hành

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019

Trong năm 2019, sản lượng của Công ty mẹ đạt 5,821 triệu tấn (bằng 124,65% KH năm 2019). Tổng doanh thu đạt 1.534 tỷ đồng (bằng 93,01% KH năm 2019), lợi nhuận trước thuế bị lỗ 613 tỷ đồng. Tổng doanh thu, lợi nhuận của Công ty mẹ giảm do chịu ảnh hưởng của các yếu tố: xử lý tài chính, tài sản trước khi chuyển thành công ty cổ phần; tiến độ cổ phần hóa thay đổi do thực hiện các thủ tục điều chỉnh vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ; tái cơ cấu tài chính gặp khó khăn do chưa có cơ chế, hướng dẫn thực hiện.

Tổng doanh thu hợp nhất của Tổng công ty chỉ đạt 12.388 tỷ đồng (bằng 89,29% KH năm 2019). Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 687 tỷ đồng, tăng 29,35% so với năm 2018. Sản lượng hàng thông qua cảng đạt 106,239 triệu tấn (bằng 106,32% KH năm 2019), sản lượng vận tải biển đạt 23,045 triệu tấn (bằng 115,59% KH năm 2019). Tổng doanh thu năm 2019 giảm do đối với từng lĩnh vực hoạt động, Tổng công ty cũng gặp không ít khó khăn, vướng mắc, cụ thể:

Lĩnh vực vận tải biển:

Doanh thu khối vận tải biển giảm sâu so với kế hoạch, xuất phát chủ yếu từ nguyên nhân không hoàn thành công tác tái cơ cấu tài chính, xử lý tài sản và hoạt động SXKD đề ra tại Công ty Vận tải Biển Đông (Bisco).

Đội tàu của Công ty mẹ với những nguyên nhân do thực hiện xử lý tàu VNL Ruby và chi phí lãi vay đang trong quá trình báo cáo Chính phủ xem xét thí điểm

cơ chế xử lý nợ qua DATC nên chưa hoàn thành kế hoạch đạt ra; các tài sản tàu biển ngày càng già, cũ đòi hỏi tiêu tốn chi phí sửa chữa và mức tiêu thụ nhiên liệu cao; chi phí khấu hao của đội tàu nhìn chung cao, đặc biệt, dư nợ với Ngân hàng Phát triển Việt Nam lớn, lãi phạt, lãi suất trả nợ quá hạn bằng 150% lãi trong hạn; chưa có cơ chế xử lý nợ tại VDB để cải thiện hiệu quả hoạt động.

Thị trường nhiên liệu diễn biến thất thường và dao động mạnh với biên độ lớn theo xu hướng tăng chiếm ưu thế với mức tăng 9%/4% (tương ứng với FO/DO).

Thị trường nội địa vẫn còn nhiều khó khăn, việc chờ cầu bến ở các cảng xếp dỡ vẫn diễn biến phức tạp kể cả tại các nhà máy nhiệt điện đối với hàng than và tại các đầu bến đối với hàng clinker; thị trường container nội địa chịu áp lực cạnh tranh lớn với các doanh nghiệp tư nhân do có thuận lợi về giá vốn.

Lĩnh vực cảng biển:

Mặc dù lĩnh vực khai thác cảng biển là hoạt động mang lại hiệu quả kinh doanh chính cho Tổng công ty nhưng vẫn còn rất nhiều khó khăn trong bối cảnh hàng loạt các cảng mới ra đời và đi vào khai thác tại các khu vực tạo ra áp lực cạnh tranh rất lớn. Bên cạnh đó, doanh nghiệp chịu ảnh hưởng của các yếu tố khách quan như luồng chưa được nạo vét kịp thời, chính sách phát triển của địa phương về ngành nghề khác (du lịch, công nghệ cao) ảnh hưởng đến việc khai thác cảng và đàm phán, thu hút khách hàng; công tác nạo vét, duy tu gặp nhiều khó khăn do việc xác định bãi đổ bùn thải và phê duyệt phương án đánh giá tác động môi trường; việc thu hồi, di dời của các cảng lớn như Cảng Hải Phòng, Cảng Sài Gòn còn chậm đã ảnh hưởng đến các kế hoạch đầu tư, phát triển, ổn định hoạt động sản xuất, kinh doanh của các cảng; chi phí hoạt động tăng do tăng tiền thuê đất theo chính sách điều chỉnh giá thuê đất của nhà nước, trích lập dự phòng tài chính, nhiên liệu và bảo hiểm xã hội.

Lĩnh vực dịch vụ hàng hải, logistics:

Kết quả thực hiện năm 2019, khối dịch vụ hàng hải hoạt động không hoàn thành kế hoạch được giao, doanh thu đạt 2.242 tỷ đồng (bằng 84,78% kế hoạch năm 2019), lợi nhuận đạt 48 tỷ đồng (bằng 61,23% kế hoạch năm 2019).

Doanh thu của khối dịch vụ hàng hải giảm mạnh do giảm dần ghi nhận doanh thu hoạt động tạm nhập tái xuất và thu hộ chi hộ cho khách hàng. Năm 2019, lĩnh vực dịch vụ hàng hải, logistics trong nước có mức độ cạnh tranh khá gay gắt, hệ thống bãi container và kho CFS trước đây là lợi thế của các doanh nghiệp thành viên tại khu vực trung tâm Thành phố Hải Phòng nay trở nên kém cạnh tranh do xu hướng dịch chuyển về khu vực Đình Vũ và Lạch Huyện. Các diện tích đất làm bến cảng và kho bãi khu vực thượng nguồn ven sông Cấm được Thành phố Hải Phòng quy hoạch thành khu công viên, đất công cộng nên không tiếp tục cho thuê đất để thu hồi giải tỏa.

Quy mô các doanh nghiệp nhìn chung còn nhỏ lẻ, cung ứng dịch vụ rời rạc chưa đủ sức cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài và gặp trở ngại trong lĩnh vực chính sách về giá, chăm sóc khách hàng so với các doanh nghiệp tư nhân.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Một số chỉ tiêu về tài sản, nguồn vốn tại ngày 31/12/2019:

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2018	31/12/2019
I. TÀI SẢN NGẮN HẠN	1.988.893	1.646.193
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	794.247	606.663
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	32.000	0
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	670.171	548.925
4. Hàng tồn kho	382.219	386.582
5. Tài sản ngắn hạn khác	110.255	104.021
II. TÀI SẢN DÀI HẠN	13.991.711	13.534.259
1. Các khoản phải thu dài hạn	119.485	185.062
2. Tài sản cố định	3.135.820	2.195.083
3. Bất động sản đầu tư	338.767	332.053
4. Tài sản dở dang dài hạn	234.041	247.454
5. Đầu tư tài chính dài hạn	9.497.453	9.937.389
6. Tài sản dài hạn khác	666.143	637.215
TỔNG TÀI SẢN	15.980.604	15.180.453
I. NỢ PHẢI TRẢ	3.471.880	2.728.874
1. Nợ ngắn hạn	1.506.018	1.896.707
2. Nợ dài hạn	1.065.861	832.167
II. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	12.508.724	12.451.578
1. Vốn chủ sở hữu	12.508.724	12.451.578
<i>Trong đó:</i>		
+ <i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	11.667.980	11.667.980
+ <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	254.779	332.835
+ <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	78.055	(612.964)

CHỈ TIÊU	31/12/2018	31/12/2019
2. Nguồn kinh phí, quỹ khác	0	0
TỔNG NGUỒN VỐN	15.980.604	15.180.453

Tổng tài sản của Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2019 là 15.180 tỷ đồng, giảm 800 tỷ đồng so với năm 2018. Vốn chủ sở hữu giảm 57,1 tỷ đồng còn 12.451,6 tỷ đồng chủ yếu do cơ quan thi hành án và Ngân hàng VDB thực hiện xử lý tài sản tàu VNL Ruby.

Tổng công ty đang trong giai đoạn cổ phần hóa nên giá trị vốn nhà nước tại doanh nghiệp được quyết toán từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chuyển sang công ty cổ phần. Hiện nay, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam đã trình Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp ra quyết định điều chỉnh vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ sau thời điểm phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng (do phát hành không hết) để làm cơ sở xác định vốn nhà nước tại Tổng công ty.

2.2. Tình hình nợ phải trả

a. Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ tại ngày 31/12/2019

Stt	Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
I	Tổng số nợ phải trả:	2.728.874
1	Nợ ngắn hạn, chủ yếu là:	1.896.707
2	Vay, nợ dài hạn: trong đó, chủ yếu là:	832.176

b. Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

Năm 2019, Tổng công ty có khoản nợ quá hạn với Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) là 642,9 tỷ đồng và đã trả được 350 tỷ đồng nợ gốc cho VDB nhưng số nợ dài hạn đến hạn trả chuyển thành nợ ngắn hạn lên đến 564,2 tỷ đồng nên khoản nợ quá hạn tăng 214,2 tỷ đồng so với năm 2018.

Hiện nay, Tổng công ty chủ yếu còn khoản nợ với Ngân hàng Phát triển Việt Nam (ngắn hạn: 642,9 tỷ đồng, dài hạn: 702,1 tỷ đồng). Trong kỳ, Tổng công ty đã phối hợp với VDB xử lý nợ, tài sản tàu VNL Ruby để giảm nợ gốc vay và hiện đang đàm phán lên kế hoạch trả nợ khoản nợ gốc và lãi vay phát sinh báo cáo Ủy ban Quản lý vốn xem xét.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Trong năm 2019, Tổng công ty đã có những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý, cụ thể như sau:

3.1. Đổi mới tư duy tuyển dụng, tìm kiếm nguồn nhân lực chất lượng cao

- Tổng công ty đã thực hiện các giao dịch, đàm phán với các tổ chức, đăng tin tuyển dụng rộng rãi trên các website để tìm kiếm, tuyển dụng nhân lực chất lượng cao giữ vị trí lãnh đạo tại các doanh nghiệp thành viên và các ban chuyên môn nghiệp vụ Tổng công ty.

- Triển khai phần mềm đánh giá hành vi, nhận thức PI trong công tác tuyển dụng cán bộ, đặc biệt, tuyển dụng các vị trí lãnh đạo chủ chốt tại các doanh nghiệp thành viên. Nguồn tuyển dụng cán bộ của Tổng công ty đã tập trung nhiều hơn từ đội ngũ cán bộ có kinh nghiệm công tác từ các đơn vị trong ngành, nhất là từ các doanh nghiệp thành viên thuộc Tổng công ty.

3.2. Bố trí sắp xếp, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm nhân sự phù hợp với năng lực, sở trường của cán bộ, đáp ứng nhu cầu nhân lực

- Tổng công ty đã bố trí, sắp xếp và điều động nhân sự trong nội bộ Văn phòng Tổng công ty, điều chuyển lao động từ bộ phận thừa sang bộ phận thiếu tương đối phù hợp với chuyên môn đào tạo cũng như năng lực sở trường của cán bộ. Việc bố trí, luân chuyển cán bộ đã cải thiện đáng kể năng suất lao động, tinh thần và thái độ làm việc của người lao động.

- Thực hiện biệt phái nhân lực có chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có kinh nghiệm đến hỗ trợ các doanh nghiệp thành viên trong công tác quản trị điều hành và hoạt động kinh doanh.

- Thực hiện sắp xếp lao động, giải quyết lao động dôi dư của Công ty mẹ khi cổ phần hóa; tổ chức lại hoạt động kinh doanh của các đơn vị hạch toán phụ thuộc không hiệu quả, kinh doanh thua lỗ trong nhiều năm.

3.3. Xây dựng cán bộ nguồn, chú trọng công tác đào tạo, đa dạng hóa hình thức đào tạo

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, phát triển đội ngũ cán bộ nguồn đáp ứng yêu cầu về nhân lực trong tương lai.

- Đa dạng hóa các hình thức đào tạo như cử biệt phái cán bộ đi hỗ trợ, đi đào tạo thực tế tại doanh nghiệp,..Tổ chức các hội thảo, khóa học để trang bị cho cán bộ, nhân viên những kiến thức về chuyên môn, kỹ năng quản lý và điều hành doanh nghiệp.

3.4. Triển khai xây dựng hệ thống đánh giá năng lực cán bộ, đánh giá hiệu quả công việc theo BSC-KPI, trả lương theo 3Ps

- Triển khai Hệ thống BSC-KPI áp dụng cho cán bộ, nhân viên thuộc cơ quan Văn phòng Tổng công ty và Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp có vốn góp chi phối.

- Xây dựng Hệ thống đánh giá hiệu quả công việc theo KPI (Key Performance Indicator), hệ thống trả lương mới theo 3Ps (Position, Person, Performance) để triển khai, áp dụng cho cán bộ, nhân viên cơ quan Văn phòng Tổng công ty khi Tổng công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần.

3.5. Chế độ khen thưởng, động viên khuyến khích người lao động

- Thực hiện sửa đổi, bổ sung Quy chế trả lương cho cán bộ, nhân viên cơ quan Văn phòng Tổng công ty nhằm nâng cao hệ số khuyến khích cho những cán bộ, nhân viên có thành tích nổi bật trong công việc, đồng thời, đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động.

- Lao động và chính sách lao động, tiền lương của các công ty con sau khi chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần đều đạt những kết quả tích cực, đối với các doanh nghiệp khối cảng biển, lao động giảm 10%-20% và thu nhập tăng 20 - 30%, có doanh nghiệp tăng đến 50%.

4. Kế hoạch phát triển năm 2020

4.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

Trên cơ sở mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của quốc gia, mục tiêu hoạt động, tiến độ cổ phần hóa Công ty mẹ, các kế hoạch kinh doanh, tái cơ cấu, đầu tư, quản trị của Tổng công ty và dự báo, xu hướng thị trường, Tổng công ty xây dựng và trình Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp về kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2020. Ngày 21/01/2020, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2020 của Công ty mẹ tại Quyết định số 39/QĐ-UBQLV, cụ thể các chỉ tiêu kế hoạch trình và phê duyệt năm 2020 như sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2020
I	HỢP NHẤT		
1	Sản lượng vận tải biển	Nghìn Tấn	19.428
2	Sản lượng thông qua cảng	Nghìn Tấn	108.211
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	10.315
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	938
II	CÔNG TY MẸ		
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.555
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	51

4.2. Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2020

- Hoạt động đầu tư: tổng mức đầu tư toàn Tổng công ty năm 2020 bao gồm Công ty mẹ và các công ty con là 1.778,5 tỷ đồng, trong đó: (i) tổng mức đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm là 1.713,5 tỷ đồng với nguồn vốn dự kiến thực hiện đầu tư, mua sắm chủ yếu là vốn tự có, một phần là vốn vay và các nguồn vốn khác; (ii) đầu tư tài chính là 65 tỷ đồng bằng nguồn vốn tự có.

- Thực hiện bán thanh lý tàu: tổng số tàu bán thanh lý năm 2020 thuộc đội tàu Tổng công ty là 15 tàu với tổng trọng tải là 367.000 tấn.

- Thực hiện đầu tư/thoái, giảm vốn: theo kế hoạch, năm 2020, Tổng công ty thực hiện thoái/giảm vốn là 13 doanh nghiệp thành viên và hoàn tất nghĩa vụ tài chính tại Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn theo kết luận của Thanh tra Chính phủ.

5. Giải trình của Ban Điều hành đối với ý kiến kiểm toán

Giải trình của Ban Điều hành đối với ý kiến kiểm toán tại Văn bản số 786/HHVN-TCKT ngày 16/4/2020 về việc giải trình ý kiến ngoại trừ và chênh lệch Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2019 được đính kèm Báo cáo này.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Nhìn chung lượng tiêu thụ nhiên liệu, tiêu thụ nước, phát thải, ô nhiễm tạo ra từ hoạt động xếp dỡ hàng hóa và dịch vụ hàng hải là rất thấp so với các ngành nghề sản xuất khác. Hệ thống cảng biển và dịch vụ tuân thủ đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường và sử dụng tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu ô nhiễm hướng tới phát triển bền vững. Các cảng tăng cường đầu tư đổi mới các trang thiết bị xếp dỡ (cầu bờ) hay nâng hạ (eRTG) sử dụng điện để giảm thiểu các loại nhiên liệu, khói bụi trong quá trình cung ứng các dịch vụ cảng biển.

6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động (đã nêu tại mục II.6.5)

6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương (đã nêu tại mục II.6.6).

IV. Báo cáo tài chính năm 2019

1. Ý kiến kiểm toán.

Một số ý kiến kiểm toán trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, cụ thể như sau:

Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (“Cảng Hải Phòng”):

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng là Công ty con của Tổng Công ty kiểm toán viên có đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến các vấn đề Cảng Hải Phòng đã ghi nhận các tài sản hình thành trước thời điểm cổ phần hóa là cầu cảng số 04, 05 bãi container Bến Cảng Chùa Vẽ và gói thiết bị với giá trị còn lại tại 31/12/2019 là 150,4 tỷ đồng (*tại ngày 01/01/2019 là 187 tỷ đồng*). Đồng thời, Cảng Hải Phòng cũng tạm ghi nhận giá trị các khoản vay liên quan đến các tài sản này và chi phí lãi vay phải trả ước tính tại thời điểm 31/12/2019 lần lượt là 383,3 tỷ đồng và 204,5 tỷ đồng (*tại ngày 01/01/2019 lần lượt là 383,3 tỷ đồng và 167,3 tỷ đồng*). Liên quan đến vấn đề này, đã có Văn bản số 8715/BTC-PLN ngày 23/07/2018 của Bộ Tài chính và Văn bản số 10582/VPCP-KTTH ngày 01/11/2018 của Văn phòng Chính phủ. Văn phòng Chính phủ đã thống nhất với kiến nghị của Bộ Tài chính về việc rà soát lại cơ sở ghi nhận giá trị đối với 02 cầu cảng và các nội dung khoản vay nêu trên và nhất trí chủ trương cho vay lại phần chi phí thiết bị

tương tự cơ chế cho vay lại phần thiết bị đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Văn bản số 1596/CP-QHQT ngày 25/10/2004.

Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Cảng Hải Phòng (*trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Cảng Hải Phòng chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt*). Khi có ý kiến chính thức của Bộ Tài chính về phương án vay, trả nợ, Cảng Hải Phòng sẽ thực hiện điều chỉnh Báo cáo tài chính hợp nhất (nếu cần thiết). Theo đó, kiểm toán không xác định được liệu có cần phải điều chỉnh các khoản mục nêu trên hay không và ảnh hưởng, nếu có, đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Tổng Công ty.

Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông (“Biển Đông”):

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông là công ty con của Tổng Công ty được phát hành với ý kiến ngoại trừ liên quan đến các vấn đề sau:

Tại thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, kiểm toán viên không thể thu thập được xác nhận số dư từ bên thứ ba liên quan đến các khoản mục: “Phải thu ngắn hạn của khách hàng”, “Phải thu ngắn hạn khác” và “Phải trả người bán ngắn hạn” với giá trị lần lượt là 19.986 triệu VND, 48.271 triệu VND và 83.268 triệu VND (*tại ngày 01/01/2019 lần lượt là 9.459 triệu VND, 48.271 triệu VND và 90.666 triệu VND*). Ngoài ra, chênh lệch số dư theo số liệu sổ sách và thư xác nhận độc lập đã nhận được của khoản vay và chi phí lãi vay phải trả Công ty Tài chính TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy (“VFC”) liên quan đến Dự án container 1730 TEU V22 lần lượt là 663.792 triệu VND và 970.431 triệu VND (*tại ngày 01/01/2019 lần lượt là 654.331 triệu VND và 857.960 triệu VND*). Các thủ tục kiểm toán thay thế không mang lại đầy đủ bằng chứng về tính hiện hữu, tính chính xác và tính đầy đủ của các khoản mục này.

Trong năm 2015, cùng với việc chuyển giao Dự án Tàu container 1730 TEU V22 (“Dự án đóng tàu”) từ Biển Đông sang Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng (“Bạch Đằng”) theo sự phê duyệt của Bộ Giao thông Vận tải, Biển Đông đã thực hiện cản trừ số dư lãi vay 323.542 triệu VND phải thu từ Bạch Đằng được ghi nhận trên tài khoản phải thu khác với số dư phải trả tương ứng đối với VFC được ghi nhận trên tài khoản chi phí phải trả. Đây là số lãi vay phát sinh liên quan đến các khoản vay được dùng để tài trợ cho Dự án đóng tàu nhưng đã quá hạn (*phát sinh sau ngày 30/6/2010, ngày có quyết định dừng việc đóng tàu*), do đó, không thỏa mãn điều kiện được vốn hóa vào giá trị của Dự án đóng tàu. Ngày 05/8/2015, Biển Đông và Bạch Đằng đã hoàn tất việc chuyển giao tàu, các khoản vay và lãi vay liên quan. Tuy nhiên, tại ngày phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất này, việc chuyển giao số lãi vay phải trả nêu trên giữa Biển Đông, Bạch Đằng và VFC vẫn chưa hoàn thành nên việc cản trừ số lãi vay trên của Biển Đông là chưa có cơ sở. Do đó, tại ngày 31/12/2019, khoản mục phải thu ngắn hạn khác và chi phí phải trả ngắn hạn đang đều bị ghi thiếu cùng một khoản là 323.542 triệu VND (*01/01/2019: 323.542 triệu VND*).

Khoản chênh lệch giữa giá trị nợ gốc và lãi vay Biển Đông nhận nợ với Công ty TNHH Mua Bán nợ Việt Nam (“DATC”) và các khoản phải trả các tổ chức tín

Khoản chênh lệch giữa giá trị nợ gốc và lãi vay Biển Đông nhận nợ với Công ty TNHH Mua Bán nợ Việt Nam (“DATC”) và các khoản phải trả các tổ chức tín dụng phát sinh từ năm 2016 trở về trước được Biển Đông ghi nhận tăng giá trị phần vốn Nhà nước với giá trị 1.661 tỷ đồng theo hướng dẫn tại Công văn số 751/BTC-TCDN ngày 17/09/2015 của Bộ Tài chính (Công văn 751). Biển Đông áp dụng hướng dẫn của Công văn 751 đối với các khoản nợ gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng phát sinh trước năm 2017. Sau năm 2017, Biển Đông chuyển sang áp dụng theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, theo đó, các khoản chênh lệch phát sinh được Biển Đông ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Nếu Biển Đông áp dụng nhất quán quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam trong việc ghi nhận khoản chênh lệch, vốn góp và lỗ lũy kế tại 31/12/2019 và 01/01/2019 sẽ cùng giảm với giá trị 1.661 tỷ đồng.

Theo ý kiến của kiểm toán, ngoại trừ vấn đề được nêu tại “Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 và Báo cáo tài chính Công ty mẹ năm 2019 đã được đăng tải theo quy định trên website của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam tại địa chỉ <http://www.vinalines.com.vn>.

Q. TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Cảnh Tĩnh

Phụ lục số 01: Danh sách các công ty con, công ty liên kết
(Tại thời điểm 31/12/2019)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	Vốn điều lệ	Vốn TCTy thực góp	Tỷ lệ sở hữu của TCTy	Tổng doanh thu năm 2019	Lợi nhuận sau thuế năm 2019
I	Công ty con							
1	Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông	Số 1, Thụy Khuê, Thành phố Hà Nội	Vận tải biển	124,742	124.742	100,00%	1.086,508	106.209
2	Công ty CP Vận tải biển Việt Nam (Vosco)	Số 215, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	Vận tải biển	1,400,000	714.000	51,00%	1.800.335	51.070
3	Công ty CP Vận tải biển Vinaship (Vinaship)	Số 1, Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng	Vận tải biển	200,000	102.000	51,00%	755.968	29.273
4	Công ty TNHH MTV Dịch vụ hàng hải Hậu Giang	Xã Đông Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang	Cảng biển	91,943	91.943	100,00%	44.780	5.405
5	Công ty CP Cảng Cần Thơ	Số 2, Khu vực Phú Thẳng, Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ	Cảng biển	284,800	272.566	99,05%	125.024	3.947
6	Công ty CP Cảng Hải Phòng	Số 8A, Đường Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	Cảng biển	3,269,600	3.026.414	92,56%	2.259.449	502.802

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	Vốn điều lệ	Vốn TCTy thực góp	Tỷ lệ sở hữu của TCTy	Tổng doanh thu năm 2019	Lợi nhuận sau thuế năm 2019
7	Công ty CP Cảng Cam Ranh	Số 29, Nguyễn Trọng Kỳ, Phường Cam Linh, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa	Cảng biển	245,018	198.230	80,90%	162.606	22.484
8	Công ty CP Cảng Quy Nhơn	Số 2, Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	Cảng biển	404,100	415.459	75,01%	812.876	103.303
9	Công ty CP Cảng Đà Nẵng	Số 26, Bạch Đằng, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	Cảng biển	990,000	742.500	75,00%	854.318	184.160
10	Công ty CP Cảng Sài Gòn	Số 3, Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	Cảng biển	2,162,950	1.415.649	65,45%	1.191.763	206.232
11	Công ty CP Đầu tư Cảng Cái Lân	Số 1, Cái Lân, Đường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Cảng biển	365,050	206.550	56,58%	59.686	(975)
12	Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao (Transvina)	Tầng 15, Toà nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Cảng biển	52,517	22.752	56,00%	38.281	(17.633)
13	Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh	Số 10, Đường Trường Thi, Phường Trường Thi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	Cảng biển	215,172	109.738	51,00%	182.937	8.851
14	Công ty CP Cảng Vinalines Đình Vũ	Số 282, Đường Đà Nẵng, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	Cảng biển	200,000	102.000	51,00%	41	(3.093)

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	Vốn điều lệ	Vốn TCTy thực góp	Tỷ lệ sở hữu của TCTy	Tổng doanh thu năm 2019	Lợi nhuận sau thuế năm 2019
15	Công ty CP Vinalines Nha Trang	Số 34, Trần Phú, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Logistics và dịch vụ khác	10,236	9.396	91,79%	1.761	(3.381)
16	Công ty Liên doanh khai thác container Việt Nam (Vinabridge)	Phòng 409, Tòa nhà Td Business center, Số 20 Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, Hải Phòng	Logistics và dịch vụ khác	16,421	10.041	60,00%	111.966	(1.091)
17	Công ty CP Vinalines Logistics Việt Nam	Tầng 14, Toà nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Logistics và dịch vụ khác	142,121	80.616	56,72%	920.804	2.293
18	Công ty CP Đại lý hàng hải Việt Nam (Vosa)	Tầng 5, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	Logistics và dịch vụ khác	140,965	59.478	51,05%	905.253	36.314
19	Công ty CP Phát triển Hàng hải (Vimadeco)	11 Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	Logistics và dịch vụ khác	90,000	40.800	51,00%	242.060	6.366
II	Công ty liên kết							
1	Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Phương Đông (Ostc)	Số 278 Tôn Đức Thắng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Vận tải biển	200.560	105.707	49,00%	305.134	(282.482)
2	Công ty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam (Vitranschart)	Số 428, Nguyễn Tất Thành, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải biển	609,993	263.420	49,00%	477.649	(271.944)

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	Vốn điều lệ	Vốn TCTy thực góp	Tỷ lệ sở hữu của TCTy	Tổng doanh thu năm 2019	Lợi nhuận sau thuế năm 2019
3	Công ty CP Hàng hải Đông Đô	Tầng 19, Tháp VPQT Hòa Bình, Số 106, Đường Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	Vận tải biển	122,445	63.564	48,97%	209.774	(41.299)
4	Công ty CP Vận tải biển và Hợp tác lao động quốc tế (Inlaco SaiGon)	Số 36, 38 Nguyễn Trường Tộ, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải biển	88,000	31.680	36,00%	357.926	(38.529)
5	Công ty CP Dịch vụ vận tải và Thương mại (Transco)	Phòng 427 - 430, tầng 4, tòa nhà Thành Đạt 1, số 03 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.	Vận tải biển	86,000	28.125	33,49%	138.007	(26.500)
6	Công ty CP Vận tải biển Hải Âu	Số 40, đường số 1, khu phố 3, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải biển	50,000	13.230	26,46%	27.016	2.094
7	Công ty CP Hợp tác lao động với nước ngoài (Inlaco Hải Phòng)	Số 4, Nguyễn Trãi, Thành phố Hải Phòng	Vận tải biển	61,004	24.982	24,90%	65.630	2.864
8	Công ty CP Cảng Năm Căn	Xã Năm Căn, Huyện Năm Căn, Tỉnh Cà Mau	Cảng biển	8,000	3.948	49,35%	7.634	(2.761)
9	Công ty CP Cảng Khuyến Lương	Tổ 21, Phường Trần Phú, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội	Cảng biển	40,566	19.877	49,00%	67.209	6.675

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	Vốn điều lệ	Vốn TCTy thực góp	Tỷ lệ sở hữu của TCTy	Tổng doanh thu năm 2019	Lợi nhuận sau thuế năm 2019
10	Công ty TNHH Cảng quốc tế Cái Mép (CMIT)	Áp Tân Lộc, Xã Phước Hòa, Tân Thành, Bà Rịa, Vũng Tàu	Cảng biển	1,110,319	401.865	36,00%	1.126.129	(45.299)
11	Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA (SP-PSA)	Đường số 3, khu công nghiệp Phú Mỹ I, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	Cảng biển	1,025,957	153.6620	15,00%	207.115	(170.107)
12	Công ty Liên doanh Dịch vụ container quốc tế Cảng Sài Gòn - SSA (SSIT)	Khu phố Phước Lộc, Phường Phước Hoà, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Cảng biển	1,551,719	308.866	11,07%	377.505	(224.549)
13	Công ty Liên doanh Vận tải quốc tế Việt Nhật (Vijaco)	Chùa Vẽ, Đường Ngô Quyền, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.	Logistics và dịch vụ khác	55,000	27.500	50,00%	249.401	13.598
14	Công ty CP Tư vấn xây dựng công trình Hàng hải (CMB)	Tầng 12, Tòa nhà Hancorp Plaza, số 72 Trần Đăng Ninh, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	Logistics và dịch vụ khác	40,040	3.773	49,00%	118.100	20.566
15	Công ty CP Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng	Số 16, Hoàng Diệu, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng	Logistics và dịch vụ khác	85,099	10.999	12,92%		
16	Công ty CP Hàng Hải Sài Gòn (SMC)	Số 422, Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	Logistics và dịch vụ khác	43,096	7.434	10,15%		

Phụ lục số 02: Danh sách Ban Điều hành Tổng công ty

Stt	Họ và Tên	Ngày sinh	Chức vụ	Chức vụ tại tổ chức khác	Trình độ học vấn	Lý luận chính trị	Cổ phần sở hữu (*)	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Cảnh Tĩnh	01/6/1975	Thành viên HĐQT, Q. Tổng giám đốc		- Thạc sỹ Tài chính - Cử nhân Kinh tế - Ngoại ngữ: Tiếng Anh	Cao cấp	1.800	
2	Ông Nguyễn Văn Hạnh	16/3/1960	Phó Tổng giám đốc		- Kỹ sư Kinh tế vận tải biển - Ngoại ngữ: Tiếng Anh	Cao cấp	2.000	Đã nghỉ hưu từ tháng 4/2020
3	Ông Bùi Việt Hoài	16/3/1961	Phó Tổng giám đốc	- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vận tải biển Việt Nam	- Kỹ sư Kinh tế vận tải biển - Ngoại ngữ: Tiếng Anh	Cao cấp	500	
4	Ông Phạm Anh Tuấn	24/02/1973	Phó Tổng giám đốc	- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ Hàng hải Hậu Giang - Chủ tịch HĐQT Cảng Vinalines Đình Vũ - Chủ tịch HĐQT Cảng Quy Nhơn	- Kỹ sư xây dựng công trình biển - dầu khí - Ngoại ngữ: Tiếng Anh	Cao cấp	7.000	
5	Ông Lê Quang Trung	19/11/1970	Phó Tổng giám đốc	- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phát triển Hàng hải	- Tiến sỹ Kinh tế, - Thạc sỹ Quản lý Kinh tế - Kỹ sư Điều khiển tàu biển - Cử nhân Kinh tế - Ngoại ngữ: Tiếng Anh	Cao cấp	5.900	
6	Ông Trương Việt Đông	17/8/1979	Phó Tổng giám đốc		- Thạc sỹ Kinh tế - Cử nhân Kinh tế - Ngoại ngữ: Tiếng Anh	Cao cấp	0	

công ty Hàng hải Việt Nam yêu cầu Cảng Hải Phòng xây dựng Phương án hoàn trả nợ vay cầu cảng số 4, số 5 và bãi container Chùa Vẽ. Nếu được phê duyệt thì giá trị phần vốn Nhà nước trong doanh nghiệp giảm đi tương ứng và Cảng Hải Phòng sẽ thực hiện trả nợ.

Ngày 25/04/2015, Bộ Giao thông vận tải đã có công văn số 5260/BGTVT-QLDN gửi Bộ Tài chính về việc phương án trả nợ vay cầu cảng số 4, số 5 và bãi container Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng.

Tuy nhiên, theo Văn bản số 8715/BTC-PLN của Bộ Tài chính đề ngày 23 tháng 7 năm 2018, Bộ Tài chính đã kiến nghị rà soát lại cơ sở ghi nhận giá trị tài sản đối với 02 cầu cảng và các nội dung liên quan đến khoản vay nói trên. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng đề nghị kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa Công ty (trong bối cảnh hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt)

Đến thời điểm này, Bộ Tài chính chưa phê duyệt phương án xử lý đối với các tài sản cầu số 4, số 5 và bãi container cảng Chùa Vẽ nên vẫn tồn tại ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên.

Nội dung này Cảng Hải Phòng cũng đã có công văn giải trình số 691/CV-CHP ngày 30/3/2020 (đính kèm theo)

1.2 Các ý kiến ngoại trừ tại Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông:

1.2.1 Về việc chuyển giao Dự án tàu Container 1730 Teu V22 từ công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông sang Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng

Tại ngày 31/12/2019, Phải thu từ Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng (“Bạch Đằng”) số tiền: 48.271.178.701 đồng, đây là khoản gốc và lãi vay phải thu còn lại phát sinh từ những khoản vay từ các tổ chức tín dụng được dùng để tài trợ cho Dự án đóng Tàu container 1730 TEU V22 sau ngày 30 tháng 6 năm 2010, ngày có quyết định dừng việc đóng tàu. Tàu này và các khoản vay liên quan đã được chuyển giao từ Công ty sang Bạch Đằng ngày 5 tháng 8 năm 2015.

Trong năm 2015, cùng với việc chuyển giao Dự án Tàu container 1730 TEU V22 (“Dự án đóng tàu”) từ Công ty sang Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng (“Bạch Đằng”) theo sự phê duyệt của Bộ Giao thông Vận tải, Công ty đã thực hiện cân trừ số dư lãi vay 323.542 triệu VND phải thu từ Bạch Đằng được ghi nhận trên tài khoản phải thu khác với số dư phải trả tương ứng đối với Công ty Tài chính TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy (“VFC”) được ghi nhận trên tài khoản chi phí phải trả. Đây là số lãi vay phát sinh liên quan đến các khoản vay được dùng để tài trợ cho Dự án đóng tàu nhưng đã quá hạn (phát sinh sau ngày

30 tháng 6 năm 2010, ngày có quyết định dừng việc đóng tàu), do đó không thỏa mãn điều kiện được vốn hóa vào giá trị của Dự án đóng tàu.

Ngày 5 tháng 8 năm 2015, Công ty và Bạch Đằng đã hoàn tất việc chuyển giao tàu, các khoản vay và lãi vay liên quan. Tuy nhiên, tại ngày của báo cáo này, việc chuyển giao số lãi vay phải trả nêu trên giữa Công ty, Bạch Đằng và VFC vẫn chưa hoàn thành nên việc cân trừ số lãi vay trên của Công ty là chưa có cơ sở. Do đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, khoản mục phải thu ngắn hạn khác và chi phí phải trả ngắn hạn đang đều bị ghi thiếu cùng một khoản là 323.542 triệu VND (1/1/2019: 323.542 triệu VND).

1.2.2 Ý kiến về việc không thể thu thập được đầy đủ xác nhận số dư từ bên liên quan đến các khoản mục “Phải thu ngắn hạn của khách hàng”, “Phải thu ngắn hạn khác” và “Phải trả người bán ngắn hạn”

Các thư xác nhận số dư thiếu chủ yếu là các khoản phải thu, phải trả với Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng được nêu ở ý kiến trên, ngoài ra có 1 số khoản công nợ khác đã được công ty gửi thư xác nhận phục vụ mục đích kiểm toán nhưng tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán chưa nhận được thư xác nhận gửi lại cho công ty kiểm toán mặc dù đã được đôn đốc nhiều lần.

1.2.3 Ý kiến về việc chưa áp dụng nhất quán quy định của chế độ kế toán khoản chênh lệch giữa số tiền Công ty nhận nợ với Công ty TNHH Mua Bán nợ Việt Nam với giá trị khoản nợ gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng:

Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 751/BTC-TCDN gửi Tổng công ty Hàng hải Việt Nam ngày 17 tháng 9 năm 2015 (“Công văn 751”), khoản chênh lệch giữa số tiền Công ty nhận nợ với Công ty TNHH Mua Bán nợ Việt Nam (“DATC”) với giá trị khoản nợ gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng được ghi nhận tăng giá trị phần vốn Nhà nước. Công văn này hướng dẫn riêng theo các đặc thù của Tổng công ty hàng hải Việt Nam. Công ty đã vận dụng áp dụng hướng dẫn của Công văn 751 đối với các khoản nợ gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng phát sinh trước năm 2017. Sau đó, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty TNHH một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, Bộ Tài chính cũng đã ban hành thông tư số 41/2018/TT-BTC ngày 04/5/2018 hướng dẫn Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 thay thế các văn bản hướng dẫn trước đây. Các quy định mới ban hành trên không hướng dẫn việc ghi nhận các khoản tái cơ cấu nợ. Do đó, Công ty đã thực hiện việc ghi nhận khoản chênh lệch giữa số tiền Công ty nhận nợ với Công ty TNHH Mua Bán nợ Việt Nam với giá trị khoản nợ gốc và lãi vay

phải trả các tổ chức tín dụng như trên theo Chế độ kế toán doanh nghiệp từ năm 2018. Tuy nhiên, do công ty không điều chỉnh hồi tố lại số liệu các năm trước theo chế độ kế toán nên Kiểm toán có ý kiến ngoại trừ đối với ảnh hưởng do thay đổi chính sách kế toán đến số liệu so sánh, Kiểm toán không có ý kiến ngoại trừ với số liệu của năm 2019.

2. Giải trình lợi nhuận sau thuế năm 2019 tăng 52% so với năm 2018:

Chỉ tiêu	Năm 2019 (VNĐ)	Năm 2018 (VNĐ)	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế TNDN	419.144.137.081	276.240.566.655	52%

* Nguyên nhân lợi nhuận sau thuế năm 2019 tăng 52% so với năm 2018 chủ yếu như sau:

- Chi tiêu lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 349.971.014.577 đồng do Công ty mẹ và các Công ty con đang trong quá trình tái cơ cấu lại hoạt động, doanh thu giảm 1.298.850.059.993 đồng, chi phí giá vốn giảm nhiều hơn so với số giảm của doanh thu, ở mức 1.648.821.074.569 đồng.

- Chi tiêu lợi nhuận tài chính tăng 112.634.722.338 đồng chủ yếu do chi phí lãi vay tại Công ty mẹ và các công ty con đều giảm.

- Chi tiêu lợi nhuận khác giảm 343.524.828.144 đồng giảm chủ yếu do từ việc thanh lý tàu.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban TG-TT Tcty;
- Lưu VT, Q.TGD, TCKT.

Q. TỔNG GIÁM ĐỐC




Nguyễn Cảnh Tĩnh